

Số: 2491/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**

**VỀ DUYỆT QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản số 46/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 108/2005/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 105/2008/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 121/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020;*

*Căn cứ Thông báo số 45-TB/TU ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương thực hiện Đồ án Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;*

*Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1663/TTr-SXD-QLVFXD ngày 14 tháng 3 năm 2011 về phê duyệt Đồ án quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 với các nội dung chủ yếu sau:

### **1. Quan điểm phát triển:**

- a) Phát triển vật liệu xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 phù hợp với quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch các ngành trên địa bàn thành phố.
- b) Phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố chú trọng kết hợp hài hòa các nhân tố: hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và bảo vệ môi trường hướng đến phát triển bền vững; trên cơ sở ưu tiên lựa chọn công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiêu tốn ít năng lượng, nguyên liệu; quy mô hợp lý; sản phẩm đạt chất lượng kỹ, mỹ thuật, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.
- c) Tập trung các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng vào các khu công nghiệp để thuận lợi trong phát triển sản xuất và đảm bảo về môi trường; từng bước chuyển đổi hoặc ngưng hoạt động các cơ sở sản xuất có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, hiệu quả kinh tế thấp, không phù hợp với quy hoạch chung của thành phố.
- d) Đa dạng hóa các hình thức đầu tư để thu hút mọi nguồn lực (vốn, chất xám, công nghệ, ...), khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng mới, cao cấp và thân thiện môi trường.

### **2. Mục tiêu phát triển:**

- a) Dựa vào những lợi thế về thị trường, nguồn lực, năng lực lao động qua đào tạo, trình độ quản lý, điều kiện tiếp cận công nghệ mới, vị thế địa lý, thuận lợi trong trung chuyển hàng hóa ... để phát triển vật liệu xây dựng thành ngành kinh tế mạnh của thành phố.
- b) Phát triển ngành vật liệu xây dựng có công nghệ sản xuất hiện đại tạo ra các sản phẩm chất lượng cao về kỹ thuật, mỹ thuật, tiêu hao nguyên liệu và năng lượng thấp, bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên; từ năm 2011, chấm dứt hoạt động của các cơ sở sử dụng đất sét để sản

xuất gạch ngói nung bằng lò thủ công, từng bước xóa bỏ các cơ sở sản xuất sử dụng đất sét làm gạch ngói nung; đến năm 2015, hoàn tất việc xóa bỏ các cơ sở sản xuất có công nghệ lạc hậu, không đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường, hiệu quả kinh tế thấp.

c) Thành phố trở thành trung tâm giao dịch, trung bày, triển lãm sản phẩm vật liệu xây dựng quy mô lớn; đến năm 2020, hoàn tất phương án di dời các nhà máy, trạm nghiền, trạm trộn xi măng ra khỏi thành phố đến những địa phương có quy hoạch phù hợp; di dời các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng khác nằm ngoài khu, cụm công nghiệp ra khỏi thành phố đến những địa phương có quy hoạch phù hợp hoặc vào các khu công nghiệp của thành phố.

### **3. Định hướng quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020:**

a) Xi măng:

- Không đầu tư xây dựng hoặc mở rộng các nhà máy, trạm nghiền, trạm trộn xi măng trên địa bàn thành phố. Các trạm nghiền, trạm trộn xi măng hiện đang hoạt động phải đảm bảo yêu cầu về môi trường, nồng độ bụi xi măng trong khí thải  $\leq 30 \text{ mg/Nm}^3$ , tiêu hao điện năng dưới 36 KWh/tấn xi măng cho toàn dây chuyền.

- Đầu tư xây dựng các trạm tiếp nhận đạt yêu cầu vệ sinh môi trường trong các khu công nghiệp để đáp ứng nhu cầu xây dựng của thành phố.

b) Vật liệu xây:

- Không khai thác đất sét sản xuất gạch xây dựng, không đầu tư các cơ sở sản xuất gạch xây nung trên địa bàn thành phố.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư các cơ sở sản xuất gạch không nung trong các khu công nghiệp để phục vụ cho nhu cầu của thành phố.

- Phát triển sản xuất các loại vật liệu nhẹ, siêu nhẹ dùng để làm tường, vách ngăn, vật liệu chống cháy, chậm cháy, vật liệu cách âm, cách nhiệt, cách điện, tiết kiệm năng lượng, vật liệu mới ...

c) Vật liệu lợp:

- Không khai thác đất sét sản xuất ngói nung, không đầu tư các cơ sở sản xuất ngói nung trên địa bàn thành phố.

- Phát triển sản xuất đa dạng các sản phẩm tấm lợp như tấm lợp kim loại, tônmat, tấm lợp composite, tấm lợp polycarbonate, tấm lợp polycarbonate - hợp kim nhôm, tấm lợp từ sợi hữu cơ và bi tum, tấm lợp acrylic có phủ các hạt đá tự nhiên ...

- Phát triển các loại vật liệu lợp chất lượng cao, sản xuất trên các dây chuyền công nghệ, thiết bị hiện đại.

d) Đá xây dựng:

- Không khai thác đá trên địa bàn thành phố.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố liên doanh, liên kết với các địa phương khác (như Đồng Nai, Tây Ninh, Bà Rịa-Vũng Tàu, ...) đầu tư khai thác các mỏ đá có chất lượng tốt, trữ lượng lớn, đồng thời nghiên cứu đầu tư phát triển vật liệu thay thế để tạo nguồn cung cấp ổn định cho nhu cầu xây dựng của thành phố.

đ) Các xây dựng:

- Không khai thác cát trên địa bàn thành phố.

- Khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố liên doanh, liên kết với các địa phương khác (như Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Tây Ninh, ...) đầu tư khai thác các mỏ cát có chất lượng tốt, trữ lượng lớn đến cung cấp ổn định cho nhu cầu xây dựng của thành phố.

- Khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng nghiên cứu, ứng dụng công nghệ khai thác, sản xuất cát xây dựng và vật liệu thay thế hiện đại để đảm bảo nguồn cung cấp cho nhu cầu xây dựng của thành phố.

e) Đá ốp lát:

- Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất đá ốp lát nhân tạo cao cấp bao gồm các sản phẩm terastone và bretonstone trong các khu công nghiệp của thành phố.

- Đầu tư chiều sâu công nghệ sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm và phát huy hết công suất các cơ sở sản xuất đá ốp lát hiện có.

g) Bê tông:

- Đầu tư chiều sâu công nghệ sản xuất, bố trí hợp lý các cơ sở sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn và trạm trộn bê tông tươi trong các khu công nghiệp để hình thành mạng lưới cung ứng thuận tiện cho nhu cầu xây dựng của thành phố.

- Nghiên cứu, sản xuất đa dạng hóa các sản phẩm bê tông: bê tông mác cao (mác 400, 600, 800), bê tông tự lèn, các loại bê tông nhẹ, bê tông cách âm, cách nhiệt, bê tông dự ứng lực, cấu kiện bê tông, bê tông bán lắp ghép, bê tông thương phẩm ... đáp ứng tiêu chuẩn xây dựng các công trình cao tầng và các công trình xây dựng khác.

h) Các loại vật liệu xây dựng khác và vật liệu mới:

- Đầu tư chiều sâu để nâng cao công suất và chất lượng các sản phẩm vật liệu trang trí hoàn thiện như gạch ốp lát, sứ vệ sinh, kính xây dựng ... của các cơ sở sản xuất hiện có.

- Đầu tư xây dựng mới các cơ sở sản xuất kính an toàn, vữa trộn sẵn, tấm tường thạch cao, tấm ốp tường alumin composite, tấm trần và vách xi măng sợi, gạch lát hè tự chèn có công nghệ hiện đại nhằm đáp ứng cho nhu cầu thành phố.

- Mở rộng thị trường, tiếp nhận những chủng loại vật liệu trang trí hoàn thiện, vật liệu mới có chất lượng cao mà thành phố có nhu cầu nhưng chưa sản xuất được.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Xây dựng:**

1.1. Trên cơ sở quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, tiến hành công bố quy hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức hội nghị phổ biến, giới thiệu quy hoạch để các tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng tiếp cận, nghiên cứu, đầu tư và khai thác.

1.2. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất và tổ chức hướng dẫn các chính sách liên quan đến lĩnh vực vật liệu xây dựng để phát triển ổn định và bền vững ngành vật liệu xây dựng.

1.3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng; tổ chức rà soát, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố, bảo đảm phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam, tình hình kinh tế - xã hội của thành phố và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân thành phố.

1.4. Quản lý, chỉ đạo các tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư phát triển sản xuất vật liệu xây dựng đúng theo quy hoạch, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

1.5. Tăng cường quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

1.6. Chủ trì, phối hợp với các sở - ngành:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về vật liệu xây dựng để áp dụng trong phạm vi quản lý của thành phố.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương thẩm định phương án tổng thể hoàn thiện công nghệ và xử lý môi trường của các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố để các doanh nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

- Xây dựng đề án thực hiện chương trình di dời các nhà máy, trạm nghiền, trạm trộn xi măng ra khỏi thành phố; các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường, có công nghệ sản xuất hiện đại đang hoạt động tại các khu vực không phù hợp với quy hoạch chung của thành phố hoặc trong các khu dân cư vào các khu công nghiệp hoặc đến các địa phương lân cận.

- Tổ chức kiểm tra, xử lý và chấm dứt hoạt động đối với các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

d) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tuyên truyền về hiệu quả kinh tế kỹ thuật trong sử dụng công nghệ sản xuất hiện đại, các sản phẩm vật liệu xây dựng cao cấp, siêu bền, siêu nhẹ, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

2.1. Phối hợp với các Sở - ban - ngành liên quan nghiên cứu chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thành lập cho các dự án đầu tư vật liệu xây dựng phù hợp với quy hoạch phát triển.

2.2. Khi cấp mới hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, không cho phép bố trí các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng tại các địa điểm nằm ngoài khu công nghiệp trên địa bàn thành phố.

2.3. Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thực hiện nội dung tại Điểm c Khoản 1.6 Điều 2 Quyết định này.

## **3. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

3.1. Tổ chức lập quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng tài nguyên khoáng sản thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của thành phố.

3.2. Hướng dẫn các quy định về môi trường trong sản xuất vật liệu xây dựng.

3.3. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức kiểm tra, giám sát việc khai thác tài nguyên, khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo thẩm quyền.

3.4. Phối hợp với các sở - ngành:

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thực hiện nội dung tại Điểm a, b c Khoản 1.6 Điều 2 Quyết định này.

- Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan thực hiện nội dung tại Khoản 6.3 Điều 2 Quyết định này.

- Phối hợp với Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp và các cơ quan liên quan thực hiện nội dung tại Khoản 8.4 Điều 2 Quyết định này.

## **4. Sở Khoa học và Công nghệ:**

4.1. Tổ chức các hoạt động khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, giới thiệu và phổ biến công nghệ hiện đại của thế giới.

4.2. Hướng dẫn quy trình chuyển giao công nghệ, các chính sách hỗ trợ đầu tư về đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ.

4.3. Phối hợp với các sở - ngành:

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thực hiện nội dung tại Điểm a, b, c, d Khoản 1.6 Điều 2 Quyết định này.

- Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan thực hiện nội dung tại Khoản 6.3 Điều 2 Quyết định này.

## **5. Sở Giao thông vận tải:**

5.1. Hoàn thiện mạng lưới giao thông trên địa bàn thành phố, lập kế hoạch đầu tư, nâng cấp hệ thống giao thông kết nối các khu công nghiệp với nơi cung cấp nguyên liệu, các cảng xuất, nhập nguyên liệu, hàng hóa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển vật tư, nguyên liệu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

5.2. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp kích cầu xi măng trên địa bàn thành phố trong việc xây dựng hạ tầng giao thông, xây dựng hệ thống đường giao thông mới với công nghệ bê tông xi măng, cầu cạn bằng bê tông cốt thép ở các vùng thường xảy ra lũ lụt, lũ quét.

5.3. Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thực hiện nội dung tại Điểm c Khoản 1.6 Điều 2 Quyết định này.

## **6. Sở Công Thương:**

6.1. Tạo điều kiện thuận lợi đối với các hoạt động xúc tiến thương mại, triển lãm hàng hóa và hội chợ vật liệu xây dựng nhằm giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường (trong và ngoài nước) tiêu thụ sản phẩm.

6.2. Nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi đầu tư nhằm phát triển các loại hình trung tâm trưng bày, siêu thị vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố.

6.3. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất và di dời địa điểm sản xuất theo quy hoạch.

6.4. Phối hợp với các sở - ngành:

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thực hiện nội dung tại Điểm b, c Khoản 1.6 Điều 2 Quyết định này.

- Phối hợp với Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp và các cơ quan liên quan thực hiện nội dung tại Khoản 8.4 Điều 2 Quyết định này.

## **7. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:**

Cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị của thành phố, đặc biệt là các khu vực không được phép đầu tư sản xuất để làm cơ sở định hướng xây dựng các khu công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tập trung.

## **8. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp:**

8.1. Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật, cung cấp thông tin về lĩnh vực vật liệu xây dựng cho các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trong các khu chế xuất, khu công nghiệp.

8.2. Tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường, có công nghệ sản xuất hiện đại được hoạt động trong các khu công nghiệp của thành phố. Không chấp thuận cho các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng không sử dụng dây chuyền công nghệ sạch, tiên tiến và không đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường hoạt động trong các khu chế xuất, khu công nghiệp.

8.3. Không cho phép mở rộng, đầu tư xây dựng mới các nhà máy, trạm nghiền, trạm trộn xi măng trong các khu chế xuất, khu công nghiệp.

8.4. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân quận - huyện kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong các khu chế xuất, khu công nghiệp.

8.5. Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thực hiện nội dung tại Điểm c Khoản 1.6 Điều 2 Quyết định này.

8.6. Quản lý, theo dõi, thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong các khu chế xuất, công nghiệp đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng được duyệt, gửi báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm vào ngày 10 của tháng cuối kỳ về Sở Xây dựng để theo dõi, tổng hợp.

## **9. Ủy ban nhân dân các quận - huyện:**

9.1. Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật, cung cấp thông tin về lĩnh vực vật liệu xây dựng cho các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn thực hiện theo đúng quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng.

9.2. Khi cấp mới hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, không cho phép bố trí các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng tại các địa điểm nằm ngoài khu công nghiệp.

9.3. Tăng cường công tác quản lý trên địa bàn, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

9.4. Thẩm định, phê duyệt phương án tổng thể hoàn thiện công nghệ và xử lý môi trường của các hộ kinh doanh hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn; gửi một bản Quyết định phê duyệt về Sở Xây dựng để theo dõi, tổng hợp.

9.5. Giám sát việc triển khai thực hiện phương án tổng thể hoàn thiện công nghệ và xử lý môi trường, việc chấm dứt hoạt động của các hộ kinh doanh, doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

9.6. Tổ chức giám sát việc thực hiện di dời của các nhà máy, trạm nghiền, trạm trộn xi măng; các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường, có công nghệ sản xuất hiện đại đang hoạt động tại các khu vực không phù hợp với quy hoạch chung theo chương trình thực hiện di dời của thành phố.

9.7. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất sét làm gạch, ngói nung trên địa bàn nhằm hạn chế việc sử dụng lãng phí nguồn tài nguyên, khoáng sản của quốc gia.



## 9.8. Phối hợp với các sở - ngành:

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thực hiện nội dung tại Điểm c Khoản 1.6 Điều 2 Quyết định này.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng thực hiện nội dung tại Khoản 3.3 Điều 2 Quyết định này.

- Phối hợp với Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp và các cơ quan liên quan thực hiện nội dung tại Khoản 8.4 Điều 2 Quyết định này.

- Thực hiện đầy đủ chế độ cung cấp thông tin, báo cáo định kỳ hàng 6 tháng và hàng năm vào ngày 10 của tháng cuối kỳ hoặc báo cáo đột xuất (theo yêu cầu cụ thể) về tình hình thực hiện các nội dung tại Khoản 9 Điều 2 Quyết định này gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Xây dựng.

## 10. Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng:

10.1. Các tổ chức, cá nhân phải thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng theo đúng quy định tại Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng, các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động và tuân thủ Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của thành phố.

10.2. Các hộ kinh doanh, doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường:

- Khẩn trương xây dựng phương án tổng thể hoàn thiện công nghệ và xử lý môi trường; trình Sở Xây dựng thẩm định và phê duyệt theo sự ủy nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố (đối với doanh nghiệp) hoặc trình Ủy ban nhân dân quận - huyện (nơi đăng ký hoạt động) thẩm định và phê duyệt (đối với hộ kinh doanh) và tổ chức triển khai thực hiện phương án được duyệt.

- Đến năm 2015, không còn các cơ sở sản xuất có công nghệ lạc hậu, không đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường, hiệu quả kinh tế thấp trên địa bàn thành phố.

10.3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất vật liệu xây dựng:

- Có cơ sở sản xuất đang hoạt động nằm ngoài khu, cụm công nghiệp, phải tích cực nghiên cứu xây dựng phương án di dời (đến năm 2020 phải hoàn tất) chủ động trong việc tìm kiếm địa điểm di dời phù hợp tại các khu công nghiệp của thành phố hoặc các tỉnh lân cận.

- Đầu tư chiều sâu, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để sản xuất sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã đa dạng; nghiên cứu giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, hạ giá thành sản phẩm để đẩy mạnh tiêu thụ, bảo đảm các tiêu chuẩn về môi trường trong sản xuất để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong và ngoài nước; nghiên cứu sản xuất những vật liệu xây dựng mới, thân thiện với môi trường.

- Đổi mới cơ chế quản lý, áp dụng các mô hình quản lý tiên tiến để nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh; đầu tư có trọng tâm vào nguồn nhân lực và thiết bị công

nghệ; đồng thời đổi mới công tác nghiên cứu, tổ chức khai thác và mở rộng thị trường, đặc biệt là thị trường trước ngoài.

10.4. Khuyến khích đầu tư xây dựng và tham gia kinh doanh tại các trung tâm trung bày và siêu thị vật liệu xây dựng.

10.5. Khuyến khích tham gia các Hội, Hiệp hội nghề nghiệp nhằm tạo sự liên kết giữa các doanh nghiệp và giữa các doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước để phản ánh kịp thời các nhu cầu, vướng mắc, bất cập của các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

10.6. Các tổ chức, cá nhân thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, năm vào ngày 05 tháng cuối kỳ và báo cáo đột xuất (theo yêu cầu cụ thể) về tình hình hoạt động, sản lượng sản xuất, tiêu thụ cho Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi đơn vị đăng ký hoạt động để tổng hợp gửi Sở Xây dựng.

### **11. Các Sở chuyên ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, thi công xây dựng:**

Khi cấp phép, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế công trình xây dựng; khi tham gia quản lý dự án, thiết kế, tư vấn đấu thầu, giám sát, thi công xây dựng công trình phải tuân thủ quy định tại Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND. TP;
- Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố;
- Ủy ban Mật trận Tổ quốc Việt Nam TP;
- VP Thành ủy và các Ban Thành ủy;
- Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố;
- Hiệp hội Xây dựng và vật liệu xây dựng
- Các Tổng Cty Xây dựng và VLXD của TP;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND. TP;
- VPUB: các PVP; các Phòng CV;
- Lưu: VT, (ĐTMT-Th)

**Nguyễn Thành Tài**

## PHỤ LỤC 1

**CÔNG SUẤT SẢN XUẤT CÁC VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2020**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Chủng loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Công suất sản xuất	
			Năm 2015	Năm 2020
1	Xi măng	Triệu tấn	12,2	12,2
2	Vật liệu xây	Triệu viên	464	896
	Trong đó:	Triệu viên	110	200
	- Gạch bloc bê tông	Triệu viên	240	430
	- Gạch bê tông nhẹ	Triệu viên	114	266
	- Tấm xây dựng 3D	Triệu viên	44,7	58,7
3	Vật liệu lợp	Triệu m <sup>2</sup>	2,2	4,2
	Trong đó:	Triệu m <sup>2</sup>	38	50
	- Ngói lợp các loại	Triệu m <sup>2</sup>	4,5	4,5
	- Tấm lợp kim loại	Triệu m <sup>2</sup>	4,15	5,8
	- Tấm lợp amiăng xi măng	Triệu m <sup>2</sup>	1	2
4	Kính xây dựng	Triệu m <sup>2</sup>	3,15	3,8
	Trong đó:	Triệu m <sup>2</sup>	1.000 m <sup>3</sup>	5.780
	- Kính thường	Triệu m <sup>2</sup>	440	680
	- Kính an toàn	Triệu m <sup>2</sup>	3.500	5.100
5	Bê tông	1.000 m <sup>3</sup>	1.730	2.730
	Trong đó:	1.000 m <sup>3</sup>	730	730
	- Bê tông đúc sẵn	1.000 m <sup>3</sup>	1.000	2.000
	- Bê tông thương phẩm	1.000 m <sup>3</sup>	100	200
6	Đá ốp lát	1.000 m <sup>2</sup>	29	39
	Trong đó:	1.000 m <sup>2</sup>	-	1
	- Đá ốp lát tự nhiên	1.000 m <sup>2</sup>	300	600
	- Đá ốp lát nhân tạo	1.000 m <sup>2</sup>	650	950
7	Vữa trộn sẵn	1.000 tấn		
8	Tấm tường và vách ngăn thạch cao	Triệu m <sup>2</sup>		
9	Tấm ốp tường alumin composite	Triệu m <sup>2</sup>		
10	Gạch lát bê tông màu	1.000 m <sup>2</sup>		
11	Gạch lát terrazzo	1.000 m <sup>2</sup>		

12	Tấm trần và vách xi măng sợi	1.000 m <sup>2</sup>	10.000	20.000
----	------------------------------	----------------------	--------	--------

## PHỤ LỤC 2

TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG DỰ KIẾN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA  
BÀN THÀNH PHỐ TỪ NAY ĐẾN NĂM 2020  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân  
dân thành phố)

STT	Danh mục công trình	Địa điểm dự kiến	Đơn vị	Giai đoạn đến 2015		Giai đoạn 2016 - 2020	
				Công suất thiết kế	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Công suất thiết kế	Vốn đầu tư (tỷ đồng)
	<b>TỔNG CỘNG</b>			-	<b>1.579</b>	-	<b>1.673</b>
<b>I</b>	<b>Vật liệu xây</b>		-	-	<b>238</b>	-	<b>281</b>
	<b>Gạch bloc bê tông</b>		<b>Triệu viên</b>	-	<b>24</b>	-	<b>36</b>
1	1 cơ sở gạch bloc bê tông	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	Triệu viên	30	12	30	12
2	1 cơ sở gạch bloc bê tông	Khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi, huyện Củ chi	Triệu viên	15	6	15	6
3	1 cơ sở gạch bloc bê tông	Khu công nghiệp Phong Phú, huyện Bình Chánh	Triệu viên	15	6	15	6
4	1 cơ sở gạch bloc bê tông	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	Triệu viên	-	-	15	6
5	1 cơ sở gạch bloc bê tông	Khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi, huyện Củ Chi	Triệu viên	-	-	15	6
	<b>Gạch bê tông nhẹ</b>		<b>1.000 m<sup>3</sup></b>	-	<b>166</b>	-	<b>133</b>
6	2 cơ sở gạch bê tông bọt	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	1.000 m <sup>3</sup>	72	33	-	-
7	2 cơ sở gạch bê tông bọt	Khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi, huyện Củ Chi	1.000 m <sup>3</sup>	72	33	-	-
8	2 cơ sở gạch bê	Khu công nghiệp	1.000	-	-	72	33

	tông bọt	Phong Phú, huyện Bình Chánh	m <sup>3</sup>				
9	1 cơ sở gạch bê tông khí (AAC)	Khu công nghiệp Phong Phú, huyện Bình Chánh	1.000 m <sup>3</sup>	100	50	-	-
10	1 cơ sở gạch bê tông khí (AAC)	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	1.000 m <sup>3</sup>	100	50	100	50
11	1 cơ sở gạch bê tông khí (AAC)	Khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi, huyện Củ Chi	1.000 m <sup>3</sup>	-	-	100	50
	<b>Tám xây dựng 3D</b>		<b>Triệu m<sup>2</sup></b>	-	48	-	<b>88</b>
12	1 cơ sở sản xuất tấm xây dựng 3D	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	Triệu m <sup>2</sup>	0,6	24	0,6	20
13	1 cơ sở sản xuất tấm xây dựng 3D	Khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi, huyện Củ Chi	Triệu m <sup>2</sup>	0,6	24	0,6	20
14	1 cơ sở sản xuất tấm xây dựng 3D	Khu công nghiệp Phong Phú, huyện Bình Chánh	Triệu m <sup>2</sup>	-	-	0,6	24
15	1 cơ sở sản xuất tấm xây dựng 3D	Khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi, huyện Củ Chi	Triệu m <sup>2</sup>	-	-	0,6	24
<b>II</b>	<b>Vật liệu lọc</b>		<b>Triệu m<sup>2</sup></b>	-	<b>70</b>	-	<b>80</b>
16	3 cơ sở sản xuất ngói màu xi măng - cát	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	Triệu m <sup>2</sup>	0,6	6	0,6	6
17	1 cơ sở sản xuất ngói màu xi măng - cát	Khu công nghiệp Phong Phú, huyện Bình Chánh	Triệu m <sup>2</sup>	0,2	2	0,2	2
18	2 cơ sở sản xuất ngói màu xi măng - cát	Khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi, huyện Củ Chi	Triệu m <sup>2</sup>	0,4	4	0,4	4
19	Đầu tư mới một số cơ sở ngói màu	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	Triệu m <sup>2</sup>	-	-	0,8	8
20	1 cơ sở sản xuất Tonmat	Khu công nghiệp Phong Phú, huyện Bình Chánh	Triệu m <sup>2</sup>	1	25	1	25

21	1 cơ sở sản xuất Tonmat	Khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi, huyện Củ Chi	Triệu m <sup>2</sup>	1	25	1	25
22	Mở rộng một số cơ sở tấm lợp kim loại hiện có hoặc đầu tư mới	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	Triệu m <sup>2</sup>	8	8	10	10
<b>III</b>	<b>Đá ốp lát</b>		<b>Triệu m<sup>2</sup></b>	-	<b>300</b>	-	<b>300</b>
23	1 cơ sở sản xuất đá ốp lát nhân tạo	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	Triệu m <sup>2</sup>	1	300	1	300
<b>IV</b>	<b>Bê tông</b>		<b>1.000 m<sup>3</sup></b>	-	<b>420</b>	-	<b>480</b>
24	Đầu tư mới 4 cơ sở sản xuất bê tông đúc sẵn	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	1.000 m <sup>3</sup>	80	80	80	80
25	Đầu tư mới 4 cơ sở sản xuất bê tông đúc sẵn	Khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi, huyện Củ Chi	1.000 m <sup>3</sup>	80	80	80	80
26	Đầu tư mới 2 cơ sở sản xuất bê tông đúc sẵn	Khu công nghiệp Phong Phú, huyện Bình Chánh	1.000 m <sup>3</sup>	40	40	40	40
27	Đầu tư mới 2 cơ sở sản xuất bê tông thương phẩm	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	1.000 m <sup>3</sup>	400	40	600	60
28	Đầu tư mới 2 cơ sở sản xuất bê tông thương phẩm	Khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi, huyện Củ Chi	1.000 m <sup>3</sup>	400	40	600	60
29	Đầu tư mới 1 cơ sở sản xuất bê tông thương phẩm	Khu công nghiệp Phong Phú, huyện Bình Chánh	1.000 m <sup>3</sup>	200	20	400	40
30	01 dây chuyền bê tông dựng lực	Khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi, huyện Củ Chi	1.000 m <sup>3</sup>	20	60	20	60
31	01 dây chuyền bê tông dựng lực	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	1.000 m <sup>3</sup>	20	60	20	60
<b>V</b>	<b>Vật liệu trang</b>		<b>1.000</b>	-	<b>75</b>	-	<b>70</b>

	<b>trí hoàn thiện</b>		<b>m<sup>2</sup></b>				
32	1 cơ sở sản xuất kính an toàn	Khu công nghiệp Tân Tạo, huyện Bình Tân	1.000 m <sup>2</sup>	650	75	650	70
<b>VI</b>	<b>Các loại vật liệu xây dựng khác và vật liệu mới</b>			-	<b>476</b>	-	<b>486</b>
33	1 cơ sở sản xuất vữa trộn sẵn	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	1.000 tấn	100	100	100	100
34	1 cơ sở sản xuất tấm tường thạch cao	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	Triệu m <sup>2</sup>	10	200	-	-
35	1 cơ sở sản xuất tấm tường thạch cao	Khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi, huyện Củ Chi	Triệu m <sup>2</sup>	-	-	10	200
36	1 cơ sở sản xuất tấm ốp tường alumin composite	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	Triệu m <sup>2</sup>	-	-	1	10
37	1 cơ sở sản xuất gạch lát hệ tự chèn	Khu công nghiệp Tân Tạo, huyện Bình Tân	1.000 m <sup>2</sup>	100	4	100	4
38	1 cơ sở sản xuất gạch lát hệ tự chèn	Khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi, huyện Củ Chi	1.000 m <sup>2</sup>	100	4	100	4
39	1 cơ sở sản xuất gạch lát hệ tự chèn	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	1.000 m <sup>2</sup>	100	4	100	4
40	1 cơ sở sản xuất gạch lát terrazo	Khu công nghiệp Đông Nam Củ Chi, huyện Củ Chi	1.000 m <sup>2</sup>	150	7	150	7
41	1 cơ sở sản xuất gạch lát terrazo	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	1.000 m <sup>2</sup>	150	7	150	7
42	1 cơ sở sản xuất tấm trần và vách xi măng sợi	Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	1.000 m <sup>2</sup>	10.000	150	10.000	150